

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 436/2023/DS-PT
Ngày: 24-11-2023
*V/v Tranh chấp quyền sử dụng
đất.*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Văn Bình.

Các Thẩm phán: ông Phan Thanh Tùng;

ông Hà Chí Quốc.

- Thư ký phiên tòa: ông Thái Công Hậu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: bà Đoàn Thị Thủy Tiên, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 03, 08 và ngày 24 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 277/2023/TLPT-DS ngày 03 tháng 10 năm 2023, về “Tranh chấp quyền sử dụng đất”. Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 43/2023/DS-ST ngày 28 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 277/2023/QĐXX-PT ngày 09 tháng 10 năm 2023; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* ông Võ Đức T, sinh năm 1982; cư trú tại: khu phố L, phường L, thị xã T, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

- *Bị đơn:* bà Đinh Thị N, sinh năm 1972; cư trú tại: khu phố L, phường L, thị xã T, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đinh Thị N: bà Nguyễn Thị Huỳnh N1, sinh năm 1990; cư trú tại: ấp P, xã P, thị xã T, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân thị xã T, tỉnh Tây Ninh. Đại diện theo ủy quyền là bà Trịnh Thị U, Phó Trưởng phòng TN&MT thị xã Trảng Bàng (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

2. Bà Huỳnh Kim T1, sinh năm 1983; cư trú tại: khu phố L, phường L, thị xã T, tỉnh Tây Ninh (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Võ Đức T trình bày:

Phần đất tranh chấp giữa ông và bà N có nguồn gốc là do ông bà nội của ông chia cho người cô út là bà Võ Thị L (không rõ năm sinh, địa chỉ: khu phố L, phường L, thị xã T, tỉnh Tây Ninh), diện tích 2.729,4 m². Đến năm 2007, bà L chuyển nhượng lại cho ông toàn bộ phần đất này và ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi ông nhận chuyển nhượng thì đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Năm 2007, khi phân chia đất thì giữa đất ông và bà N có đắp bờ đất làm ranh nhưng do trời mưa nhiều năm nên bờ ranh đất không còn, ranh đất phía trong còn một trụ phân ranh (là cây lồng mứt). Theo hiện trạng thì ranh đất giữa ông T và bà N xéo nhưng bà N tự ý kéo ranh thẳng từ trụ cây lồng mứt thẳng ra đường. Năm 2008, bà N trồng cao su trên đất tranh chấp, ông có qua nói chuyện với bà N; ông nghĩ bà N chỉ lấn qua đất của ông vài mét và là họ hàng ruột với nhau (chồng bà N là chú ruột của ông) nên ông có đề nghị hai bên đo đạc xác định lại ranh đất nhưng bà N không đồng ý. Thời điểm này, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông đã thế chấp vay ngân hàng nên không có điều kiện đo đạc lại đất nên không biết cụ thể bà N lấn đất của ông bao nhiêu để yêu cầu giải quyết.

Ông T cho rằng bà N lấn qua đất của ông T diện tích 319,6 m², (ngang mặt đường 13,38 m, chiều dài thẳng từ đường đất đến cuối ranh đất 48,15 m và chiều dài từ đường đất thu hẹp về cuối ranh đất dài 51,52 m (đất hình tam giác)), nằm trong thửa 410, tờ bản đồ số 39, tọa lạc tại ấp T, xã H, thị xã T, tỉnh Tây Ninh, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 793246 ngày 17-9-2007 do Ủy ban nhân dân thị xã T cấp do ông T đứng tên bị bà N lấn chiếm sử dụng.

Nay ông T yêu cầu bà N trả lại cho ông diện tích đất đã lấn chiếm như trên và tự thanh lý cây trồng trên đất trả lại đất cho ông. Ông T không đồng ý với yêu cầu phản tố của bà N về việc yêu cầu Tòa án công nhận diện tích 319,6 m² đất trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T cho bà N và không đồng ý yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông T của bà N.

Ông T thống nhất với giá trị đất và tài sản trên đất theo giá các bên đã thỏa thuận. Ngoài ra không tranh chấp gì khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn – bà N trình bày:

Toàn bộ phần đất của bà và của ông T có nguồn gốc là của cha, mẹ ông C để lại. Cha ông C là ông Võ Văn T2 (đã chết) và mẹ là bà Nguyễn Thị T3 (đã chết). Sau khi ông T2 và bà T3 chết thì vào năm nào không nhớ rõ, ông B và ông C là con đứng ra để phân chia đất cho các anh, em mỗi người một phần; trong đó, chia cho bà L một phần đất tại thửa 410 (bà L đã chuyển nhượng lại cho ông T) và chia cho bà N2 01 phần đất tại thửa 265, sau này bà N2 chuyển nhượng lại cho bà. Khi bà nhận chuyển nhượng thì cả 02 phần đất này đều chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Khi chia đất thì ông B và ông C có cắm một trụ xi măng để làm ranh giữa đất của bà L và đất của bà N2 nhưng hiện nay trụ xi măng không còn. Sau này bà L chuyển nhượng lại cho ông T và bà N2 chuyển nhượng lại cho bà thì vẫn giữ nguyên ranh đất hiện trạng, sử dụng từ đó đến nay.

Khi bà kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì có đo đạc, xác định ranh hiện trạng thực tế nhưng bà không biết lý do vì sao diện tích mà bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lại ít hơn so với diện tích đất thực tế mà bà sử dụng.

Bà được Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 548052, số vào sổ H02609 ngày 07-11-2008, đối với diện tích 4.377 m², thửa 265 và thửa 409, tờ bản đồ 39, đất tọa lạc tại ấp T, xã H, thị xã T, tỉnh Tây Ninh. Trong đó, thửa 265 của bà có diện tích là 1.953,3 m², giáp với thửa 410 của ông T có diện tích 2.729,4 m².

Sau đó, bà trồng cây cao su trên đất nhưng không xác định được cụ thể năm trồng cao su, chỉ nhớ khoảng được 15 năm. Khi trồng ông T không ngăn cản gì.

Bà xác định giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà bị cấp thiếu 319,6 m² so với hiện trạng sử dụng và phần thiếu này nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 793246 ngày 17-9-2007 do Ủy ban nhân dân thị xã T cấp cho anh Võ Đức T đứng tên.

Do đó, bà không đồng ý với yêu cầu của ông T. Bà phản tố, yêu cầu Tòa án công nhận phần đất mà ông T tranh chấp có diện tích 319,6 m² trên cho bà và yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 793246 ngày 17-9-2007 do Ủy ban nhân dân thị xã T cấp cho ông Võ Đức T đứng tên đối với diện tích 319,6 m² này.

Đối với cây trồng trên đất, bà thống nhất với giá trị đất và tài sản trên đất như hai bên đã thỏa thuận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND thị xã T do bà U đại diện theo ủy quyền trình bày ý kiến:

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 793246, số vào sổ H01925 ngày 17/9/2007 cấp cho ông Võ Đức T đứng tên thửa đất số 410, tờ bản đồ 39, diện tích 2.729,4 m² tại ấp T, xã H, thị xã T, tỉnh Tây Ninh là đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật. Khi cấp giấy cho ông T, bà N đều có đo đạc hiện trạng và xác định đúng vị trí đất. Do đó, UBND thị xã T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà N về việc hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà T1 trình bày: bà là vợ ông T, bà thống nhất với ý kiến và yêu cầu của ông T, ngoài ra bà không yêu cầu gì khác.

Bản án Dân sự sơ thẩm số 43/2023/DS-ST ngày 28 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng tỉnh Tây Ninh đã tuyên xử:

Căn cứ vào các điều 158, 166 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ các điều 100, 166, 170 và 203 của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Đức T, về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”, đối với bà Đinh Thị N.

Ông Võ Đức T được quyền sở hữu, sử dụng phần đất có diện tích 319,6m² (ngang mặt đường 13,38 m, chiều dài thẳng từ đường đất đến cuối ranh đất 48,15 m và chiều dài từ đường đất thu hẹp về cuối ranh đất dài 51,52 m), nằm trong thửa 410, tờ bản đồ số 39, tọa lạc tại ấp T, xã H, thị xã T, tỉnh Tây Ninh, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 793246 ngày 17-9-2007 do Ủy ban nhân dân thị xã T cấp cho ông Võ Đức T đứng tên.

Đất có tứ cận: phía Đông giáp thửa 266; phía Tây giáp đường đất 13,38 m; phía Nam giáp thửa 265 dài 51,52 m; phía Bắc giáp thửa 410 dài 48,15 m. (Kèm theo sơ đồ)

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Đinh Thị N về việc yêu cầu Tòa án công nhận diện tích 319,6 m² nằm trong thửa 410, tờ bản đồ số 39, tọa lạc tại ấp T, xã H, thị xã T, tỉnh Tây Ninh, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 793246 ngày 17-9-2007 do Ủy ban nhân dân thị xã T đã cấp do ông Võ Đức T đứng tên cho N.

3. Không chấp nhận yêu cầu của bà N về việc yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 793246 ngày 17-9-2007 do Ủy ban nhân dân huyện T (nay là thị xã T), tỉnh Tây Ninh đã cấp do ông Võ Đức T.

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, lãi suất chậm trả, án phí, quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 09/8/2023, bị đơn bà Đinh Thị N có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo công nhận cho bà được quyền sử dụng diện tích đất tranh chấp 319,6 m² và hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 319,6 m² cấp cho ông T mà bà đang sử dụng.

Ngày 10-8-2023, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh có Quyết định kháng nghị số 02/QĐ-VKS-DS đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm sửa 01 phần bản án sơ thẩm theo hướng xác định quan hệ tranh chấp, xử lý tài sản trên đất và sửa về án phí.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa có ý kiến như sau:*

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng những quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, chấp nhận 01 phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về tố tụng: ngày 28-7-2023, Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tuyên án sơ thẩm. Ngày 09-8-2023, bị đơn bà Đinh Thị N có đơn kháng cáo, ngày 10-8-2023, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh có Kháng nghị số 02/QĐ-VKS-DS. Căn cứ Điều 273, 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự; đơn kháng cáo của bà N và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng nộp trong thời hạn kháng cáo, kháng nghị và đúng theo quy định pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bà Đinh Thị N thấy rằng:

Ông T yêu cầu bà N trả lại cho ông diện tích đất đã lấn chiếm là 319,6 m². Ông T không đồng ý với yêu cầu phản tố của bà N về việc công nhận quyền sử dụng đất diện tích 319,6 m² và hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà N. Nên xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp quyền sử dụng đất.

Về nguồn gốc đất tranh chấp: đất của ông T và bà N có nguồn gốc từ chuyển nhượng lại của gia đình bà Võ Thị L. Khi ông T, bà N nhận chuyển nhượng thì các thửa đất đều chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T và bà N thể hiện: năm 2007, ông T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 410, tờ bản đồ 39, diện tích 2.729,4 m². Năm 2008, bà N được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng diện tích 4.377 m², trong đó thửa đất số 265 diện tích 1.953,3 m² và thửa số 409 diện tích 2.423,7m², tờ bản đồ 39.

- Về quá trình sử dụng đất thể hiện:

Theo lời khai bà N2 trình bày: ranh đất của bà N2 và bà L trước đây là trụ xi măng nhưng hiện tại không còn, chỉ còn hàng cây lồng mức; phần đất tranh chấp trước đây là của bà. Năm 2006, bà và bà N cùng trồng cao su trên đất, đến năm 2008 thì bà N trả đủ tiền chuyển nhượng nên bà để bà N kê khai đăng ký; hiện nay, bà N vẫn sử dụng đúng ranh đất như trước đây.

Theo lời khai của nguyên đơn anh T trình bày (bút lục 44; 104): phần đất trước đó là một thửa lớn, sau đó gia đình tự phân chia ra cho bà L, bà N2, mỗi người một phần, do đó, hai phần này có vị trí liền kề nhau. Năm 2007, anh kê khai được cấp giấy thì không tiến hành đo đạc diện tích thực tế sử dụng, chỉ căn cứ vào số liệu thửa đất trên bản đồ để cấp giấy CNQSDĐ. Năm 2007, phân chia đất thì có đắp bờ đất làm ranh nhưng mưa nhiều, bờ ranh không còn, ranh đất phía trong còn một trụ phân tranh là cây lồng mức. Hiện tại hàng lồng mức này là ranh đất thực tế giữa anh T và chị N, nhưng hàng lồng mức này tự mọc, không ai trồng, trên phần đất tranh chấp có 15 cây cao su do chị N trồng.

- Như vậy, vào năm 2007, ông T mua đất bà L, không đo đạc diện tích, quy trình cấp giấy cho ông T không đúng trình tự thủ tục quy định, vì thời điểm cấp giấy đất cho ông T, phần đất tranh chấp do bà N đang quản lý sử dụng, trồng cây cao su. Trên đất của ông T cũng trồng cây cao su. Cùng thời điểm, bà N cũng trồng vào năm 2006- 2007. Tuy nhiên, ông T không trồng trên phần đất tranh chấp; biết bà N trồng nhưng không có ý kiến phản đối.

Do đó, có cơ sở xác định phần đất tranh chấp là của bà N đã sử dụng canh tác, ổn định từ năm 2006 cho đến nay. Việc cấp giấy đất cho ông T có phần đất tranh chấp là không đúng trình tự, thủ tục theo quy định, vì thời điểm cấp giấy, bà N là người sử dụng, quản lý đất tranh chấp.

Bà N kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T là có cơ sở chấp nhận.

[3] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng thì thấy rằng:

Về quan hệ tranh chấp: tại phiên tòa Kiểm sát viên xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp quyền sử dụng đất và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” là đúng nên kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng cho rằng xác định quan hệ tranh chấp “*Đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất*” là không đúng.

Về tài sản trên đất: do chấp nhận kháng cáo của bà N, sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T; công nhận phần đất tranh chấp là của bà N, nên tài sản trên đất cũng là của bà N, không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Tòa án cấp sơ thẩm buộc đương sự chịu án phí có giá ngạch là không đúng nên chấp nhận 01 phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng.

[4] Về án phí phúc thẩm: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bà N kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

[5] Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 124, 131, 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận kháng cáo của bà Đinh Thị N; chấp nhận 01 phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng về phần án phí.

2. Sửa Bản án Dân sự sơ thẩm số 43/2023/DS-ST ngày 28 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

2.1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Đức T về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất” đối với bà Đinh Thị N.

2.2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Đinh Thị N đối với ông Võ Đức T, về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Bà Đinh Thị N được quyền sở hữu, sử dụng phần đất có diện tích 319,6 m² (ngang mặt đường 13,38 m, chiều dài thẳng từ đường đất đến cuối ranh đất 48,15 m và chiều dài từ đường đất thu hẹp về cuối ranh đất dài 51,52 m), nằm trong thửa 410, tờ bản đồ số 39, tọa lạc tại ấp T, xã H, thị xã T, tỉnh Tây Ninh, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 793246 ngày 17-9-2007 do Ủy ban nhân dân thị xã T cấp cho ông Võ Đức T đứng tên.

Đất có tứ cận: phía Đông giáp thửa 266; phía Tây giáp đường đất 13,38 m; phía Nam giáp thửa 265 dài 51,52 m; phía Bắc giáp thửa 410 dài 48,15m. (có sơ đồ kèm theo)

2.3. Không chấp nhận yêu cầu của bà N về việc yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 793246 ngày 17-9-2007 do Ủy ban nhân dân huyện T (nay là thị xã T), tỉnh Tây Ninh đã cấp cho ông Võ Đức T.

3. Về chi phí tố tụng: ông T phải chịu chi phí tố tụng là 5.200.000 đồng. Ghi nhận ông T đã nộp và đã chi phí xong.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: bà N không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh hoàn trả cho bà N số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0027449 ngày 11 tháng 8 năm 2023.

5. Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thanh Tùng

Hà Chí Quốc

Nguyễn Văn Bình

